

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÙ LAO DUNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2021/DS-ST
Ngày 02-12-2021
V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÙ LAO DUNG, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Ngoan.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Thành Phước.

Bà Thái Thị Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tô Văn Thừa – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

Trong ngày 02 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 55/2021/TLST-DS ngày 19 tháng 02 năm 2021 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2021/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng T; địa chỉ trụ sở: Số X, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Anh Trang Thành T; cư trú tại: Ấp X, thị trấn L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Quyết định số 3978/2020/QĐ-PL ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Tổng Giám đốc Ngân hàng T (vắng mặt có đơn xin vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Phạm Minh H, sinh năm: 1979; cư trú tại: Ấp Đ, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 22 tháng 01 năm 2021 của nguyên đơn Ngân hàng T (sau đây gọi là Ngân hàng), bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện của nguyên đơn anh Trang Thành T trình bày:

Ngày 12/12/2017, anh Phạm Minh H ký hợp đồng tín dụng vốn lãi chia đều số LD1734600524 với Ngân hàng T - Chi nhánh L để vay tiền. Cùng ngày Ngân hàng đã giải ngân cho anh H vay số tiền 150.000.000 đồng, thời hạn vay: 60 tháng, mục đích vay để tiêu dùng, lãi suất 8,4%/năm, kỳ trả lãi vào ngày 31 hàng tháng.

Phương thức trả nợ: nợ gốc và lãi được chia thành 60 kỳ, kỳ hạn trả nợ: 01 tháng/kỳ, kỳ trả nợ đầu tiên vào ngày 31/01/2018, các kỳ trả nợ kế tiếp vào ngày 31 hàng tháng, kỳ trả nợ cuối cùng sẽ được trả vào ngày đáo hạn được quy định tại hợp đồng, số tiền trả mỗi kỳ: 3.550.000 đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, anh H đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 123.250.000 đồng, trong đó nợ gốc 85.000.000 đồng, nợ lãi 38.250.000 đồng. Đến 30/11/2020, anh H vi phạm hợp đồng nên phát sinh nợ quá hạn. Mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần tạo điều kiện nhưng anh H vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Tạm tính đến ngày 02/12/2021, anh H còn nợ Ngân hàng tổng cộng 80.021.125 đồng, trong đó nợ gốc 65.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 14.700.000 đồng, nợ lãi quá hạn 321.125 đồng.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của Ngân hàng T là anh Trang Thành T vắng mặt. Tại bản tự khai anh T lập ngày 02/12/2021, anh T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện: buộc anh Phạm Minh H có trách nhiệm hoàn trả hết nợ gốc và lãi theo Hợp đồng tín dụng số: LD1734600524 ngày 12/12/2017 tính đến ngày 02/12/2021 với số tiền 80.021.125 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng cho đến ngày anh H trả tất nợ cho Ngân hàng.

- Tại phiên tòa sơ thẩm anh H vắng mặt, anh H không gửi văn bản phản hồi ý kiến về yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng cho Tòa án, nên không ghi nhận được ý kiến của anh H.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là có căn cứ hợp pháp, nguyên đơn đã nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ gồm: sổ hộ khẩu có tên Phạm Minh H (bản photo); giấy chứng minh nhân dân tên Phạm Minh H (bản photo); giấy đề nghị vay vốn tên Phạm Minh H (bản sao có chứng thực); Hợp đồng tín dụng vốn lãi chia đều số LD1734600524 ngày 12/12/2017 tên khách hàng Phạm Minh H (bản sao có chứng thực); giấy nhận nợ tên Phạm Minh H (bản sao có chứng thực); bảng tính lãi tiền vay khách hàng Phạm Minh H (bản chính).

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung đã gửi Thông báo về việc thụ lý vụ án và Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho bị đơn hợp lệ. Bị đơn không có ý kiến phản hồi về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không ý kiến phản đối với các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn đã nộp. Đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết vụ án: bị đơn cư trú tại ấp Đ, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng theo khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Quan hệ pháp luật: nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả nợ vay theo hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký và thực hiện, mục đích vay là tiêu dùng. Do đó, Hội đồng xét xử xác định là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” là phù hợp theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về sự vắng mặt của đương sự: Anh Phạm Minh H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do khi được Tòa án triệu tập hợp lệ. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[4] Về tính hợp pháp của hợp đồng tín dụng: xét Hợp đồng tín dụng vốn lãi chia đều số LD1734600524 ngày 12/12/2017 được ký giữa người đại diện hợp pháp của Ngân hàng và anh Phạm Minh H. Tại thời điểm ký kết các bên có đủ năng lực hành vi dân sự, tự nguyện, mục đích và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại các điều 117, 118 và 119 của Bộ luật Dân sự, nên có hiệu lực pháp luật.

[5] Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả nợ vay gốc và lãi tại vốn lãi chia đều số: LD1734600524 ngày 12/12/2017 tính đến ngày 02/12/2021 là 80.021.125 đồng, trong đó: nợ gốc 65.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 14.700.000 đồng, tiền lãi quá hạn: 321.125 đồng và tiền lãi phát sinh cho đến ngày bị đơn trả dứt nợ cho Ngân hàng.

[5.1] Theo giấy nhận nợ tên người nhận tiền Phạm Minh H ngày 12/12/2017 và Hợp đồng tín dụng vốn lãi chia đều số: LD1734600524 ngày 12/12/2017 thì xác định: trong quá trình thực hiện hợp đồng nguyên đơn đã giải ngân và bị đơn đã nhận được số tiền 150.000.000 đồng, thời hạn vay: 60 tháng, mục đích vay để tiêu dùng, lãi suất 8,4%/ năm, kỳ trả lãi vào ngày 31 hàng tháng. Phương thức trả nợ: nợ gốc và lãi được chia thành 60 kỳ, kỳ hạn trả nợ: 01 tháng/kỳ, kỳ trả nợ đầu tiên vào ngày 31/01/2018, các kỳ trả nợ kế tiếp vào ngày 31 hàng tháng, kỳ trả nợ cuối cùng sẽ được trả vào ngày đáo hạn được quy định tại hợp đồng, số tiền trả mỗi kỳ: 3.550.000 đồng. Sau khi vay tiền bị đơn đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 123.250.000 đồng, trong đó nợ gốc 85.000.000 đồng, nợ lãi 38.250.000 đồng, sau đó bị đơn không tiếp tục thanh toán nợ cho Ngân hàng.

[5.2] Do anh H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận tại Điều 11 của Hợp đồng tín dụng số: LD1734600524 ngày 12/12/2017: “...bên được cấp tín dụng trả hết nợ (bao gồm vốn gốc, lãi và chi phí có liên quan) của từng lần giải ngân theo hời hạn vay được ghi trên từng giấy nợ tương ứng...” và điểm g mục 1

Phụ lục các điều khoản chung (đính kèm Hợp đồng tín dụng vốn lãi chia đều số: LD1734600524 ngày 12/12/2017) quy định về không giải ngân, đình chỉ giải ngân, chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn: “Bên được cấp tín dụng và/hoặc bên bảo đảm vi phạm các hợp đồng tín dụng....”. Nên việc Ngân hàng yêu cầu anh H trả hết nợ gốc và lãi 80.021.125 đồng và tiền lãi phát sinh cho đến khi bị đơn trả dứt nợ cho Ngân hàng là có cơ sở, phù hợp với quy định tại Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng, Điều 7 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm và Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam, quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, Chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh H phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 92, Điều 144, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 117, Điều 118 và Điều 119 Bộ luật Dân sự; Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014); Điều 7 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T.

1. Buộc anh Phạm Minh H trả cho Ngân hàng T tiền vay gốc và lãi 80.021.125 (tám mươi triệu, không trăm hai mươi một ngàn, một trăm hai mươi lăm đồng, trong đó: nợ gốc 65.000.000 (sáu mươi lăm triệu) đồng, nợ lãi trong hạn 14.700.000 (mười bốn triệu, bảy trăm ngàn) đồng, nợ lãi quá hạn: 321.125 (ba trăm hai mươi một ngàn, một trăm hai mươi lăm) đồng.

Kể từ ngày 03/12/2021 anh H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng T thì lãi suất mà anh H phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng T cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng T.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Phạm Minh H phải nộp 4.001.056 (bốn triệu, không trăm lẻ một ngàn, không trăm năm mươi sáu) đồng; Ngân hàng T

không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, trả lại cho Ngân hàng T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.700.000 (một triệu bảy trăm ngàn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007042 ngày 19 tháng 02 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

3. Quyền kháng cáo bản án: nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Cù Lao Dung;
- Chi cục THADS huyện Cù Lao Dung;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Ngoan